

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **11/2020/HS-ST**;
Ngày 14 tháng 02 năm 2020.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Mạnh Khang.

2. Ông Nguyễn Thị Tu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phụng Khá - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

***Nguyễn Thị L**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1978 tại Mỹ Đ, Hà Nội; nơi cư trú: Thôn , xã Lê T, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hữu S và bà Đinh Thị S; chồng: Nguyễn Văn H, con: 03 con; tiền án: không; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

- Chị Vũ Thị N, sinh năm: 1990;

Trú tại: Số , thôn , xã La P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Nguyễn Hữu Hải T, sinh năm: 1966;

HKTT: Thôn , xã Lê T, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm: 1952;

Trú tại: Thôn , xã Lê T, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Ông S có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Ông Tạ Tương H, sinh năm: 1969;

Trú tại: Thôn , xã La P, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 04/11/2019, Nguyễn Thị L (Sinh năm: 1978, HKTT: thôn , xã Lê T, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: .37 từ nhà đến thôn , xã La P, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. Đến khoảng 12 giờ 00 phút cùng ngày, L vào cửa hàng thuốc Tâm Bình của chị Vũ Thị N hỏi mua dầu gội được liệu.

Trong lúc hỏi mua dầu gội được liệu, L nhìn thấy chị N làm rơi một chiếc nhẫn dưới sàn nhà. Khi chị N quay vào trong nhà lấy dầu gội được liệu để bán, L đã nhặt lấy chiếc nhẫn của chị N đánh rơi dưới sàn nhà cạnh tủ thuốc rồi để ở giỏ xe mô tô dựng bên ngoài cửa hàng thuốc. Sau đó, L hỏi mượn bút và giấy của chị N để xin số điện thoại rồi đi vào trong cửa hàng (vị trí ngay sát chiếc tủ lạnh) với lên nóc tủ lạnh lấy trộm một chiếc nhẫn cài trên chiếc bút. Khi chị N mang dầu gội được liệu ra để bán cho L thì L không mua nữa và đi ra ngoài. Sau đó, L cho chiếc nhẫn thứ hai đã lấy trộm được vào trong giỏ xe mô tô đi về nhà.

Sau khi chị N phát hiện bị mất nhẫn đã kiểm tra lại camera gắn trong cửa hàng thuốc và sang kể lại nội dung vụ việc với anh Tạ Tương H (HKTT: thôn , xã La P, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội - là chủ cửa hàng tạp hoá đối diện) thì anh H cho biết: “Là người thường xuyên giao dầu gội được liệu cho anh H, tự xưng tên là H và để lại số điện thoại liên hệ là 098948”. Sau đó, chị N đến trình báo tại đồn Công an Nam Hoài Đức.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, có gắn đá, mặt trong có khắc chữ Huân lông trái tim Ngân 13.11.15 (do Nguyễn Thị L giao nộp);

- 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, có gắn đá, mặt trong có khắc chữ Ngân lông trái tim Huân 13.11.15 (do Nguyễn Thị L giao nộp);

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 29 – 218.37, Số khung: RLHH21004, số máy: H35, xe đã qua sử dụng (do Nguyễn Thị L giao nộp).

* Tại Kết luận giám định số 198/KL-ĐGTS ngày 29/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hoài Đức thể hiện:

- Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, hình tròn, có gắn đá, có hàm lượng vàng (Au) 58.33, Bạc (Ag) 10.35, Đồng (Cu) 26.21, Kẽm (Zn) 6.36. Có khối lượng 2,1 gram (0.56 chỉ) đã qua sử dụng từ tháng 10 năm 2015. Có giá: 1.488.000 đồng.

- Một chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, hình tròn, có gắn đá, có hàm lượng vàng (Au) 58.33, Bạc (Ag) 10.95, Đồng (Cu) 26.17, Kẽm (Zn) 4.54. Có khối lượng 2.79 gram (0.744 chỉ) đã qua sử dụng từ tháng 10 năm 2015. Có giá: 1.968.000 đồng.

Tổng số tiền tài sản cần định giá, trị giá: 3.456.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Đối với 02 (hai) chiếc nhẫn kim loại bằng vàng: 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, có gắn đá, mặt trong có khắc chữ H lông trái tim Ngân 13.11.15; 01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, có gắn đá, mặt trong có khắc chữ Nglông trái tim Huân 13.11.15 do Nguyễn Thị L giao nộp: Quá trình điều tra xác định 02 chiếc nhẫn nêu trên là tài sản của chị Vũ Thị N đã bị Nguyễn Thị L lấy trộm vào ngày 04/11/2019. Ngày 05/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ra Quyết định xử lý vật chứng đối với 02 (hai) chiếc nhẫn nêu trên bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là chị Vũ Thị N. Chị N đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 29 - 218.37, số khung: : Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô nêu trên là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Hữu Hải T là em trai của L. Do anh T làm ăn ở xa nên đã để chiếc xe trên cho ông Nguyễn Hữu S quản lý, sử dụng. Ông S không biết việc Nguyễn

Thị L sử dụng xe mô tô nêu trên đi trộm cắp tài sản vào ngày 04/11/2019. Do đó, ngày 05/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ra Quyết định xử lý vật chứng đối với chiếc xe mô tô nêu trên bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Hữu Hải T.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Ng không đề nghị bồi thường về dân sự.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức, bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*Tại Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSHĐ-HN ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:**

- *Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;*

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách theo quy định của pháp luật.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị L thành khẩn nhận tội, bày tỏ sự ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người

tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 04/11/2019, lợi dụng sơ hở của chị Vũ Thị N, Nguyễn Thị L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 (hai) chiếc nhẫn bằng vàng của chị N tại hiệu thuốc ở thôn , xã La P, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là: **3.456.000 đồng** (*Ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

[3] Hành vi của bị cáo là cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm đến quan hệ sở hữu hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo Bản cáo trạng và Lời luận tội của Viện Kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị L đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Tòa án xét xử nghiêm minh vụ án nhằm giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra bố bị cáo là người có công với cách mạng, bị cáo đã ly hôn và đang nuôi con dưới 18 tuổi là những tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt; nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo làm ăn, sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo. Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội đối với bị cáo là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp.

Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không đề nghị bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; các Điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là **12** (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Lê Th, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Ghi nhận người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

*** Về án phí:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự ;

- Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND.TP. Hà Nội;
- VKSND.H. Hoài Đức;
- Công an H. Hoài Đức;
- Chi cục THADS.H. Hoài Đức;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp Tp. Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

